

Tp. Thủ Đức, ngày 02 tháng 3 năm 2021

Số: 204/2021/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81 82, 83, 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ hôn nhân gia đình thụ lý số 537/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

Ông Nguyễn Văn S , sinh năm 1978

Địa chỉ: Số 304/41, khu phố 1, phường A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trần Thanh Th , sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 215D đường N, phường T, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại Quận 2 nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 086 ngày 25/11/2002 tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận 2 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thanh Th là hợp pháp.

Căn cứ các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức nhận thấy:

Hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thanh Th là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa ông S và bà Th phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống và kinh tế gia đình. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do ông S và bà Th bất đồng về quan điểm sống dẫn đến tình cảm lạnh nhạt. Ngoài ra ông S và bà Th xảy ra nhiều mâu thuẫn khác trong quá trình chung sống. Nay ông S và bà Th xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức giải quyết cho ông S và bà Th được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông S và bà Th có 01 (một) con chung tên Nguyễn Văn T (Nam), sinh ngày 08/10/2004. Ông S và bà Th thống nhất giao con chung cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông S không yêu cầu bà Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông S và bà Th không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn đồng), ông Nguyễn Văn S tự nguyện chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thanh Th thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 086 ngày 25/11/2002 tại Ủy ban nhân dân phường An , Quận 2 (nay là Thành phố Thủ Đức) không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Ông S và bà Th có 01 (một) con chung tên Nguyễn Văn T (Nam), sinh ngày 08/10/2004. Ông S và bà Th thống nhất giao con chung cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông S không yêu cầu bà Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo qui định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông S và bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn đồng), ông Nguyễn Văn S tự nguyện chịu, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn đồng) mà ông S đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0028298 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 (nay là Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức) lập ngày 17/12/2020. Bà Thu không phải nộp lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. Thủ Đức;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân phường A, Tp. Thủ Đức;
- Lưu (VT), hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Hải Yến